

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-PT
Ngày 18-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Phùng Lâm Hồng.
Ông Trương Quyết Thắng.

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Hải Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 39/2019/TLPT-HS ngày 25 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Vàng A T do có kháng cáo của bị cáo Vàng A T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2019/HS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lào Cai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Vàng A T (tên gọi khác: Vàng Seo T), sinh năm 1996 tại huyện H, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T1, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Seo C (đã chết) và bà Giàng Thị M; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Tốt. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/7/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Ngoài ra còn có bị cáo Tráng A L không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vàng A T:* Bà Trần Thị C1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Vàng Thị T2, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn S, xã P, huyện H, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Ma Seo T3, sinh

năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn C2, xã L1, huyện H, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, Vàng A T đi làm thuê tại khu vực thôn N, xã B1, huyện K, tỉnh Lào Cai đã gặp và quen biết với một người đàn ông Trung Quốc tên là P1. P1 bảo với T tìm phụ nữ đưa sang Trung Quốc bán cho P1 với giá từ 5.000CNY đến 9.000CNY một người, tùy vào ngoại hình từng phụ nữ. T đồng ý và hai bên trao đổi số điện thoại để liên lạc. Sau đó, T gặp Tráng A L là người ở cùng thôn, T rủ L tìm phụ nữ để cùng lừa đưa sang Trung Quốc bán cho P1 lấy tiền chia nhau, L đồng ý. Đến tháng 8/2013, T và L lên thị trấn H, huyện H, tỉnh Lào Cai. Tại đây, T và L gặp chị Vàng Thị T2 là người đã quen biết từ trước, nên nảy sinh ý định lừa đưa chị T2 đưa sang Trung Quốc bán. T nói dối chị T2 là đang buôn bán vải, quần, áo thổ cẩm và rủ chị T2 cùng đi lấy vải ở huyện K để mang về bán lại kiếm lời, chị T2 đồng ý. Sau đó, L dùng xe máy chở T2 còn T đi xe một mình cùng đưa T2 đi bán, nhưng khi đi đến thị trấn H1, huyện T4, tỉnh Lào Cai, chị T2 nghi ngờ bị lừa nên không đồng ý đi tiếp nữa. Do đó, T và L đã thuê nhà nghỉ cùng T2 ngủ qua đêm. Sáng hôm sau, L chở T2 về nhà, L và T2 đã trao đổi số điện thoại với nhau để liên lạc.

Khoảng hai tuần sau, Tráng A L gọi điện rủ Vàng A T đi lên thị trấn H để lừa Vàng Thị T2 đưa sang Trung Quốc bán. T đồng ý và thống nhất để L một mình đi gặp T2, nếu lừa được T2, L sẽ thông tin lại cho T và cùng nhau đưa T2 đi bán. Sau đó L đi xe máy lên thị trấn H gọi điện và gặp T2 trong chợ huyện H. Khi gặp nhau, L hỏi T2 sau khi đi chợ xong T2 có đi đâu nữa không, T2 nói đi chợ xong sẽ đi xe máy xuống thôn Đ, xã T1, huyện B để thăm người quen, L nói chở T2 đi, T2 đồng ý. Sau đó, L chở T2 đi từ H theo đường xuống ngã ba N1 và đi theo hướng về thành phố Lào Cai. Trên đường đi, L gọi điện cho T biết là đã đón được T2 rồi và L nói với T2 là bạn của L gọi điện rủ đi ăn cơm, nên L sẽ đưa T2 đến nhà chơi rồi mới đưa T2 về thôn Đ, xã T1. Sau khi nghe điện thoại của L, T một mình đi xe máy vào bến bốc xếp hàng hóa gần mốc biên giới 107 thuộc thôn P1, xã B1, rồi đi xe máy vượt biên giới sang Trung Quốc và giấu xe vào bụi cỏ rồi gọi điện cho P1 nói có một phụ nữ đưa sang Trung Quốc bán và hẹn P1 ra đón, P1 đồng ý. Khoảng 18 giờ cùng ngày, P1 cùng một người đàn ông đi xe ô tô đến nơi. Lúc này, L chở T2 vào thôn P2, xã B1 rồi đi sang Trung Quốc gặp P1, L bảo T2 lên xe ô tô để đi nhà bạn L ăn cơm, T2 đồng ý. L để xe máy lại và lên xe ô tô cùng P1 đưa T2 đi được khoảng 2km thì người đàn ông đi cùng P1 bảo L xuống xe và tự lấy xe máy của mình để đi, L hiểu ý nên xuống xe. Cùng lúc đó, T đi xe máy của L đến đón quay về chỗ T giấu xe máy, sau đó

T và L mỗi người đi một xe về Việt Nam. Hai ngày sau, P1 gọi điện cho T đến vị trí giao T2 hôm trước để lấy tiền bán T2, P1 đưa cho T 10.000CNY (*mười nghìn nhân dân tệ*), về Việt Nam T đổi được khoảng 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) và liên lạc với L để chia tiền. T và L mỗi người được khoảng từ 15.000.000 đồng (*Mười năm triệu đồng*) đến 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*). Đối với bị hại Vàng Thị T2, sau khi bị Vàng A T và Tráng A L lừa đưa sang Trung Quốc bán, T2 tiếp tục bị mua đi bán lại nhiều lần cho nhiều người đàn ông Trung Quốc để lấy làm vợ. Đến cuối năm 2018, Vàng Thị T2 trốn được về Việt Nam và làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của Vàng A T, Tráng A L. Quá trình điều tra, các bị cáo Vàng A T và Tráng A L đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2019/HS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lào Cai đã xét xử như sau: Truyền bố bị cáo Vàng A T và phạm tội “*Mua bán người*”, Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58; khoản 1, 6 Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vàng A T 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 23/7/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Tráng A L; Trách nhiệm bồi thường dân sự; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2019, bị cáo Vàng A T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Vàng A T giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung án sơ thẩm nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên nội dung bản án hình sự sơ thẩm số 22/2019/HS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lào Cai.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm đều được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có ý kiến gì về vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo và đồng phạm tại phiên tòa sơ thẩm cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận: Tháng 8/2013, các bị cáo Vàng A T và Tráng A L đã thực hiện hành vi lừa và đưa chị Vàng Thị T2 sang Trung Quốc bán cho người đàn ông tên P1 với số tiền 10.000CNY (nhân dân tệ). Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo và đồng phạm trong vụ án về tội “*Mua bán người*” theo điểm d khoản 2 điều 150 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Vàng A T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tháng 8/2013, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Tại thời điểm này bị cáo là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 150 và các điều luật của Bộ luật hình sự năm 2015, quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để xử phạt bị cáo là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên mức án 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là cao, chưa đánh giá đúng tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo vì: Mặc dù mức án khởi điểm của điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015 là 08 năm, cao hơn mức án khởi điểm của điểm d khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 là 05 năm. Nhưng mức án cao nhất của khung hình phạt tại khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015 là 15 năm, còn mức án cao nhất của khung hình phạt tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 là 20 năm. Do đó khoản 2 điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015 là Điều luật có lợi cho người phạm tội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt thì theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội cần vận dụng mức án khởi điểm của Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 để quyết định hình phạt đối với bị cáo mới phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vàng A T và đề nghị người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ pháp luật cần chấp nhận. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[1] Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo Vàng A T (tên gọi khác: Vàng Seo T). Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 22/2019/HS-ST ngày

22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lào Cai về phân hình phạt tù đối với bị cáo Vàng A T như sau:

Tuyên bố bị cáo Vàng A T (tên gọi khác: Vàng Seo T) phạm tội “*Mua bán người*”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58; khoản 1, 6 Điều 91; khoản 4 Điều 98; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vàng A T (tên gọi khác: Vàng Seo T) 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 23/7/2019.

[2] Về án phí: Bị cáo Vàng A T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;
- CQTHAHS Công an huyện H;
- CQCSĐT Công an huyện H;
- TAND huyện H;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Toàn